

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Xây dựng mới cầu vượt lũ Mỹ Thành, huyện Hoài Ân của  
Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4572/STNMT-CCBVMT ngày 10/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Xây dựng mới cầu vượt lũ Mỹ Thành, huyện Hoài Ân của Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 08/01/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng mới cầu vượt lũ Mỹ Thành, huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ân Mỹ và xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường như phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Bộ TNMT (b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Hoài Ân;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND xã Ân Mỹ;
- UBND xã Ân Tín;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

## **Phụ lục**

# **CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG MỚI CẦU VƯỢT LŨ MỸ THÀNH, HUYỆN HOÀI AN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI AN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

### **1. Thông tin về dự án**

#### **1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Xây dựng mới cầu vượt lũ Mỹ Thành, huyện Hoài An.
- Địa điểm thực hiện: Xã Ân Mỹ và xã Ân Tín, huyện Hoài An, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Hoài An.
- Địa chỉ liên hệ: Số 04 Lê Duẩn, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài An, tỉnh Bình Định.

#### **1.2. Phạm vi, quy mô của dự án**

- Phạm vi:
  - + Điểm đầu: Giáp với tuyến đường ĐT.629 tại lý trình Km7+750.
  - + Điểm cuối: Giáp tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đi ĐT.629 xã Ân Tín, huyện Hoài An.
- Quy mô: Tổng chiều dài toàn tuyến  $L = 1,21$  km (kể cả phần cầu dài 245,5m).

#### **1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án**

##### **1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án**

- a. Phần cầu: Xây dựng mới cầu dầm vượt lũ; kết cấu BTCT dự ứng lực và BTCT theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11823-2017.
  - Tải trọng thiết kế cầu: HL93.
  - Tần suất thiết kế:  $P = 1\%$ .
  - Chiều dài cầu:  $L = 245,5$  m (7 nhịp dầm I33m), bề rộng cầu  $B = 12,0$  m.
- b. Phần đường: Đầu tư đường đầu cầu theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054 – 2005).
  - Tổng chiều dài tuyến đường khoảng  $L = 960$  m. Trong đó, phía mố M1 dài 796 m, phía mố M2 dài 164 m.
  - Bề rộng nền đường:  $B_n = 12,0$  m – 17,0 m
  - Bề rộng mặt đường:  $B_m = 9,0$  m – 16,0 m
  - Mặt đường bê tông nhựa.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: hệ thống thoát nước ngang, hệ thống an toàn giao thông, hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến, gia cố mái taluy nền đường.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công dự án:

- 01 công trường thi công với tổng diện tích khoảng 3.075 m<sup>2</sup> (bố trí 01 trạm trộn bê tông xi măng với diện tích 150 m<sup>2</sup>, công suất 60 m<sup>3</sup>/h; 01 lán trại tạm với diện tích 50 m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh di động; 01 bãi tập kết nguyên vật liệu diện tích 300 m<sup>2</sup>; 01 bãi đúc đầm diện tích 2.575 m<sup>2</sup>).

- 01 cầu tạm đầm thép I600 nhịp L = 24 m, B = 5,5 m.

- Bố trí tuyến đường công vụ được thiết bề rộng Bn = 5,5m.

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng, bóc đất phong hóa.

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

1.3.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 7.022 m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp, san nền mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, đường giao thông, hệ thống thoát nước, các công trình phụ trợ và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, sạt lở và sự cố cháy, nổ,...

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động duy tu, bảo dưỡng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại; hoạt động của các phương tiện lưu thông phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 7.022 m<sup>2</sup>, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang, đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển, bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, đất đào bóc, phá dỡ một số đoạn đường hiện trạng, hoạt động giải phóng mặt bằng, đổ BTXM mặt đường,...; khí thải từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

## 3.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng 34,25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh khối lượng khoảng 11,7 – 19,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

- Chất thải rắn xây dựng: Xà bần phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng khối lượng phát sinh 2.004,6 m<sup>3</sup>; Thước bì do quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng khối lượng phát sinh 843,75 m<sup>3</sup>; Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng phát sinh khoảng 4.098,20 m<sup>3</sup>; Bentonite thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng cầu phát sinh khoảng 794,42 m<sup>3</sup>; Đất thừa từ quá trình thi công các hạng mục Dự án phát sinh khoảng 11.961,60 m<sup>3</sup>.

### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển với khối lượng khoảng 120 kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng.

### **3.3. Tiếng ồn và độ rung**

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công; hoạt động san lấp mặt bằng, đầm nén nền đường phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

### **3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải**

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công đắp nền đường, thi công hệ thống thoát nước gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước, ngập úng cục bộ, nguồn nước tưới nông nghiệp và gây cản trở hoạt động giao thông đi lại của người dân tại khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải**

#### **4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng (phát sinh từ bãi tập kết tạm bùn khoan và dung dịch bentonite thải, quá trình vệ sinh và rửa các thiết bị xây dựng, trạm trộn bê tông, vệ sinh thiết bị trạm trộn): được thu gom về hố lắng với dung tích khoảng 2m<sup>3</sup>. Nước sau khi lắng cạn được tận dụng tối để tái sử dụng cho quá trình xây dựng (tưới ẩm, đập bụi bề mặt công trường, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, rửa cốt liệu...). Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn thi công.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường; tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu.

#### **4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải**

##### **a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công**

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chở đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên, vật liệu ra vào thi công dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.
- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn công trường thi công, bãi tập kết vật liệu được bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.
- Máy móc thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.
- Lập kế hoạch thi công trước khi triển khai thi công xây dựng để hạn chế việc tập trung nhiều thiết bị thi công cùng một lúc và thông báo kế hoạch này cho chính quyền và người dân khu vực chủ động trong công tác sinh hoạt và sản xuất.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng.
- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

#### **4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy tại công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Xả bần phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng: Tập dụng đồ thải tại tuyến đường vào khu vực bãi thải thuộc lô số 01 (Hóc Da) thuộc thôn Vĩnh Đức, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân (tọa độ: X = 1.596.539; Y = 571.872, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>). Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường khu vực đồ thải, giảm thiểu sa bồi, sạt lở. Sau khi đổ thải, san gạt bằng phẳng, trả lại cho địa phương.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ, đất thừa, betonite: Đổ thải tại bãi thải thuộc lô số 01 (Hóc Da) của hộ gia đình ông Nguyễn Anh Huy thuộc thôn Vĩnh Đức, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân (tọa độ: X = 1.596.539; Y = 571.872, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>). Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường khu vực đồ thải, giảm thiểu sa bồi, sạt lở. Sau khi đổ thải, san gạt bằng phẳng, trả lại cho người dân.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn (tên CTNH, mã hiệu) theo quy định để thu gom, phân loại và lưu chứa chất thải nguy hại tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TTBTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

#### 4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.
- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi qua khu vực dân cư phải giảm tốc độ, không chở quá tải và hạn chế bóp còi vào giờ cao điểm.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng cầu, đường; trồng các dải cây xanh.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chỉ triển khai Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khối lượng đất bóc tầng đất mặt đối với diện tích lúa 02 vụ phải lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

#### 4.4.2. Phương án tiêu, thoát nước

Để không ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước khu vực, Chủ dự án thực hiện thi công hệ thống công thoát nước và mương hoàn trả với kích thước phù hợp để đảm bảo tiêu thoát nước trong quá trình thi công và hình thành dự án. Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trên tuyến trước khi thi công dự án.

#### 4.4.3. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn giao thông

- Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác đảm bảo an toàn phù hợp với quy mô, mức độ rủi ro xảy ra tai nạn lao động của công trường theo quy định; hạn chế thi công vào mùa mưa.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông, bố trí người điều tiết giao thông vào giờ cao điểm.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

### **4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

#### 4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật:

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

#### 4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

#### 4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng:

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ú đọng, ngập úng.

- Quá trình hoàn trả kênh, mương thủy lợi phải được thực hiện theo đúng trình tự, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ quản của các công trình trên để lựa chọn thời điểm thi công thích hợp, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến quá trình dẫn nước tưới và tiêu thoát nước tại khu vực.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

### 5.1. Giám sát môi trường không khí



- Vị trí giám sát:

+ Tại KDC hiện trạng phía Tây dự án, cách điểm đầu dự án 230 m về phía Nam (tọa độ: X = 1.596.643; Y = 574.565, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ );

+ Tại ngã ba đường bê tông hiện trạng, tiếp giáp KDC hiện trạng phía Nam, cách điểm cuối dự án khoảng 75m về phía Bắc (tọa độ: X= 1.594.790; Y = 575.105, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần

## 5.2. Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí.

+ Nước mặt sông An Lão, tại khu vực thi công dự án (Tọa độ: X = 1.594.964; Y = 574.976, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Tổng P, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1).

## 5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

## 6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Niêm yết công khai kế hoạch thi công, các giải pháp bảo vệ môi trường để người dân theo dõi, giám sát.

- Đối với khối lượng đất thừa vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án đảm bảo chất lượng vật liệu để san lấp (nếu có), đề nghị thực hiện theo quy định về Luật khoáng sản; trường hợp được đồng ý, yêu cầu có các giải pháp vận chuyển, san lấp đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.